

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THIỆU HÓA  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST

Ngày: 19 - 8 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Công Lâm.

2. Ông Lê Minh Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Tô Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Huyền Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1999; Tại: ĐT, ĐS, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn C, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; T1 độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu H và bà Đặng Thị T; Vợ: Chưa; Con: Chưa; Tiền sự, tiền án: không; Tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 chuyển tạm giam đến ngày 10/6/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Người bị hại:*

- Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1974; Trú tại: Thôn A, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ông T1 có mặt tại phiên tòa.

- Chị Chu Thị Vân A, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn A, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Anh vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/5/2020, Nguyễn Hữu T, sinh năm 1999 ở thôn Cần, xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa đến nhà cậu ruột là ông Đặng Văn T1, sinh năm 1974 ở thôn

2, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa để phục vụ đám cưới của con gái ông T1. Quá T1 dọn dẹp tại đám cưới, T quan sát thấy gia đình ông T1 để phong bì chứa tiền mừng cưới của khách ở bên trong thùng đựng phong bì hình trái tim màu đỏ đặt ở buồng ngủ tầng lửng của gia đình. Do cần tiền tiêu xài nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền mừng đám cưới của gia đình ông T1. Khoảng 16 giờ cùng ngày, lợi dụng lúc mọi người xung quanh lo phụ giúp đám cưới không để ý đến tài sản, T đã lén lút đi lên tầng lửng, mở nắp thùng đựng phong bì do thùng không có khóa và trộm cắp một số phong bì trong thùng nhưng không biết là bao nhiêu cái. Sau khi lấy được một số phong bì, T quan sát thấy trong thùng vẫn còn nhiều phong bì nhưng do sợ có người vào phát hiện nên không dám lấy tiếp mà có ý định sẽ quay lại lấy sau. T đi lên tầng thượng của nhà ông T1 để bóc phong bì lấy tiền ra gồm các tờ tiền có mệnh giá 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) nhưng không đếm số lượng tờ tiền và tổng giá trị số tiền là bao nhiêu mà cất tiền ngay vào túi quần. Sau đó, T tiếp tục đi xuống phòng để quần áo ở tầng 1, mở tủ nhựa đựng quần áo trong phòng thì thấy có 01 (một) ví nữ màu hồng của chị Chu Thị Vân Anh (Con dâu của ông T1), bên trong ví có khoảng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng) đến 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng). T lấy 1.000.000đ (Một triệu đồng) trong ví gồm 02 (Hai) tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) rồi ra về. Đến 20 giờ cùng ngày, T quay lại nhà ông T1 để phục vụ đám cưới và mang theo số tiền đã trộm cắp được trước đó. T tiếp tục đi vào phòng ngủ ở tầng lửng và lén lút trộm cắp thêm một số phong bì trong thùng đựng phong bì của gia đình ông T1 với số lượng ít hơn lần trộm trước đó nhưng không biết cụ thể được bao nhiêu cái rồi ra về. Sau khi về đến nhà, T bóc số phong bì vừa trộm cắp được, lấy tiền bên trong ra rồi gộp chung với số tiền đã trộm cắp được trước đó và đếm được 38.400.000đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngày 07/5/2020, biết Cơ quan CSĐT Công an huyện Thiệu Hóa đang tiến hành điều tra, xác minh vụ việc, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Hữu T đã đến Công an huyện Thiệu Hóa đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Thiệu Hóa số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) còn lại trong tổng số tiền 38.400.000đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) đã trộm cắp được tại nhà ông T1.

Về phía gia đình ông Đặng Văn T1, khi T1 báo sự việc, gia đình ông T1 không thể nắm rõ số phong bì mà Nguyễn Hữu T đã trộm cắp là của những ai đến mừng cưới, do vậy không thể biết chính xác số tiền gia đình bị trộm cắp là bao nhiêu. Qua quá T1 điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Thiệu Hóa chỉ chứng minh ngày 03/5/2020, Nguyễn Hữu T trộm cắp tại nhà ông Đặng Văn T1 số tiền 38.400.000đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng), tuy nhiên, không có đủ cơ

sở để xác định cụ thể số tiền Nguyễn Hữu T đã trộm cắp từng lần tại nhà ông T1 là bao nhiêu.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS - TH ngày 26/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Hữu T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Nguyễn Hữu T từ 12 - 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 - 30 tháng; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh hình phạt và các vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

Người bị hại là ông Đặng Văn T1 và chị Chu Thị Vân Anh đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, ông T1 đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá T1 điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, T1 tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá T1 điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hữu T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào chiều và tối ngày 03/5/2020, tại nhà ông Đặng Văn T1, sinh năm 1974 ở thôn 2, xã TT, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Hữu T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền của ông Đặng Văn T1 là 37.400.000đ (Ba mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền của chị Chu Thị Vân Anh là 1.000.000đ (Một triệu đồng), tổng số tiền bị cáo trộm cắp là 38.400.000đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng). Ngoài lời khai của bị cáo, ông T1 và chị Anh cũng không xác định được số tiền mất cụ thể là bao nhiêu tuy nhiên ông T1 và chị Anh không khiếu nại thắc mắc gì về số tiền như bị cáo đã khai nhận; Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện

kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi của bị cáo: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân; Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục riêng, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, việc lên mức hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hướng xử lý về hình phạt:

Bị cáo có hai lần trộm cắp diễn ra gần một thời điểm, nhưng bị cáo không nhớ số tiền trộm cắp được từng lần, quá T1 điều tra và tại phiên tòa các cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được số tiền cụ thể của từng lần trộm cắp, nên lấy tổng số tiền các lần trộm cắp để truy tố bị cáo là phù hợp, nên bị cáo không thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá T1 điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra Cơ quan Công an đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bản thân bị cáo đã từng tham gia quân ngũ, hoàn thành nghĩa vụ quân sự, quá T1 tham gia quân ngũ được tặng danh hiệu “Chiến sĩ tiên tiến” được hội đồng xét xử xem là 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, trong lúc, ăn uống phục vụ đám cưới của chính người thân trong gia đình không làm chủ được mình đã trộm cắp tài sản, bị cáo cũng đã bị giam giữ 35 ngày, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục và ấn định thời gian thử thách cũng đủ khả năng cải tạo bị cáo. Hình phạt này vừa đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, trừng trị, vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và chính sách nhân đạo của Nhà nước. Cần áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo; Tuy nhiên cũng cần đánh giá số tiền bị cáo trộm cắp cũng tương đối so với định lượng tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, để lên cho bị cáo mức hình phạt tương xứng.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không nghề nghiệp, chưa có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng; Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định trả lại số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bị cáo nộp khi ra đầu thú cho ông Đặng Văn T1, gia đình bị cáo và bị cáo đã trả đủ 18.400.000đ (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng) cho ông Đặng Văn T1 và chị Chu Thị Vân Anh. Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Nguyễn Hữu T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ông T1 có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Anh có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thiệu Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

**Hoàng Văn Đạt**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**      **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Công Lâm      Lê Minh Nhân**

**Hoàng Văn Đạt**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



**Lê Dũng Tấn**

**Lê Minh Nhân**

**Hoàng Văn Đạt**